TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 06 năm 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thắng
Bà Nguyễn Thị Kim Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Khôi – Thư ký TAND khu vực 1 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi cũ, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 246/2026/TLST – HNGĐ ngày 17/04/2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/06/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thùy D, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: thôn H, xã P, tỉnh Hưng Yên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Trần Gia B, sinh ngày 19/01/2015.

+ Cháu Trần Gia H sinh ngày 12/01/2017.

Người đại diện cho cháu H, cháu B: Chị Nguyễn Thùy D, anh Trần Văn Đ (là mẹ đẻ, bố đẻ).

Các đương sự đều vắng mặt nhưng đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị D và các lời khai của chị D, anh Đ trong quá trình tố tụng thể hiện:

Chị D, anh Đ tự quen biết, tìm hiểu và kết hôn. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Â, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã P,

tỉnh Hưng Yên) vào ngày 20/02/2017. Sau khi kết hôn thì chị D về nhà anh Đ ở thôn H, xã P, tỉnh Hưng Yên chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Khoảng giữa năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không có sự hòa hợp. Ngoài ra theo chị D khai anh Đ có người khác giới và vợ chồng cãi nhau, anh Đ bảo chị đi đâu thì đi. Cuối năm 2019 thì chị D về nhà bố mẹ đẻ ở Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, cắt liên lạc, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết và không thể chung sống với anh Đ được nữa nên đề nghị Tòa án án giải quyết cho chị D được ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống. Anh Đ cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Đ, chị D thống nhất có 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 19/01/2015 và Trần Gia H sinh ngày 12/01/2017. Hiện nay các cháu đang ở với anh Đ và được chị gái anh là chị Trần Thị T hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D đồng ý.

Về vấn đề tài sản chung, công sức, nợ nần: Anh Đ, chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Lời khai của cháu Trần Gia H, cháu Trần Gia B trình bày: Chúng cháu là con của mẹ D và bố Đ. Chúng cháu đang sống chung với bố tại thôn H, xã P, tỉnh Hưng Yên. Do bố bận công việc nên chúng cháu đang ở nhờ bác T (sinh năm 1983, trú tại: Tổ dân phố H, phường Đ, tỉnh Hưng Yên) là chị gái của bố cháu trông nom, chăm sóc chúng cháu. Cháu đang học tại Trường tiểu học N1. Việc mẹ cháu gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án chúng cháu có biết. Bố mẹ cháu đã không ở với nhau từ khi cháu còn nhỏ. Nguyên nhân cụ thể thế nào chúng cháu không biết. Bố mẹ cháu không về đoàn tụ mà phải ly hôn, nguyện vọng của chúng cháu xin được ở với bố cháu, vì chúng cháu đang ở với bố và bác rất tốt. Ngoài ra chúng cháu không có ý kiến gì khác. Chúng cháu xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Lời khai của người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N – bác ruột của chị D: Chị D và anh Đ tự quen nhau, yêu nhau, tìm hiểu và kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Â, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 20/02/2017. Sau khi cưới thì chị D về chung sống cùng gia đình anh Đ. Quá trình chung sống với nhau thì bà thấy vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, bà có nghe nói vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, anh Đ chơi bời, không quan tâm gì tới vợ con, gia đình. Khoảng cuối năm 2019 thì bà thấy chị D đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Còn vợ chồng anh chị ấy mâu thuẫn cụ thể thế nào thì bà không nắm được. Tuy nhiên, biết tin vợ chồng chị D có mâu thuẫn thì về phía gia đình, bà đã khuyên giải anh chị ấy

về đoàn tụ nhiều lần. Còn chị D, anh Đ quyết định như nào là tùy anh chị ấy. Chị D, anh Đ 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 19/01/2015 và Trần Gia H sinh ngày 12/01/2017. Hiện nay các cháu đang ở với chị Trần Thị T – chị gái của anh Đ.

Lời khai của chị Trần Thị T – chị gái ruột của anh Đ: Anh Đ và chị D tự quen biết, tìm hiểu, yêu nhau và kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Â, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 20/02/2017. Sau khi cưới thì chị D về chung sống cùng gia đình anh Đ ở thôn H, xã P. Anh Đ, chị D chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị có nghe nói vợ chồng anh Đ bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Khoảng cuối năm 2019 thì chị D bỏ gia đình anh Đ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Còn vợ chồng anh Đ mâu thuẫn cụ thể thế nào thì chị không nắm được. Gia đình cũng đã khuyên giải vợ chồng anh Đ về đoàn tụ nhiều lần. Vợ chồng anh Đ quyết định như nào là tùy anh chị ấy. Anh Đ, chị D có 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 19/01/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 12/01/2017. Hiện nay các cháu đang sống cùng với anh Đ và chị. Lý do các cháu ở với chị là do chị D đã về quê bố mẹ đẻ sống và anh Đ bận đi làm ăn nên gửi các cháu cho chị, nhờ chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị hỗ trợ anh Đ nuôi các cháu thì thỉnh thoảng chị D vẫn đến chơi, thăm nom, chăm sóc các cháu.

Việc xác minh tại địa phương:

Công an xã P, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh Trần Văn Đ, sinh ngày 15/11/1994, số định danh cá nhân 033094011607, nơi thường trú: thôn H, xã P, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay anh Đ đang cư trú, sinh sống tại địa phương.

UBND xã P, tỉnh Hưng Yên: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thùy D có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Â, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 20/2/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 013. Vợ chồng anh Đ, chị D chung sống với nhau có con chung và mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Trường hợp anh Đ, chị D ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Nghị quyết số 01/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy D và anh Trần Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 19/01/2015 và cháu Trần Gia H sinh ngày 12/01/2017 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, công sức: Do đương sự không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Trần Văn Đ. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng trước đó chị D, anh Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có lời khai đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Chị D và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Â, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 20/2/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 013, đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị D, anh Đ đều xác định vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không có sự hòa hợp. Gia đình hai bên cũng biết chuyện vợ chồng mâu thuẫn nên đã khuyên giải và để cho hai vợ chồng tự quyết định. Cuối năm 2019, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân, cắt liên lạc, không ai quan tâm đến ai nữa. Trường hợp vợ chồng liên lạc với nhau thì chỉ thông qua chị gái của anh Đ là chị Trần Thị T phù hợp lời khai của bà N (bác của chị D), lời khai của chị T. Nay chị D, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D, anh Đ được ly hôn để ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng triệu tập anh Đ đến để hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ xin vắng mặt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của chị D, anh Đ đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Đ của chị D là phù hợp với thực trạng hôn nhân của anh chị nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D, anh Đ có 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 19/01/2015 và Trần Gia H sinh ngày 12/01/2017. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D cũng nhất trí giao cả 02 con chung cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Quan điểm của anh Đ, chị D về con chung khi ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, hơn nữa kể từ năm 2019 anh Đ, chị D sống ly thân nhau, mỗi người một nơi cả hai con chung đều ở cùng với anh Đ và anh Đ vẫn đảm bảo điều kiện kinh tế, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nên giao cả 02 con chung cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Quan điểm của anh Đ không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị D, anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D tự nguyện chịu cả án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp

dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy D và anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 19/01/2015 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 12/01/2017 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Công nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị D, anh Đ hoặc tổ chức cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản, công sức, nợ nần: Không xem xét, giải quyết..

4. Về án phí: Chị D tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001970 ngày 17 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Trả lại chị D số tiền 150.000đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị D, anh Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT, TTr và THA - Tòa án tỉnh;
- VKSND khu vực 1 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Phạm Ngũ Lão;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ái